**TUẦN 17**

**Từ ngày 8/12 đến ngày 12/12/2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/ ngày** | **Tiết** | **Môn** | **PPCT** | **Tên bài dạy** |
| **Hai 8/12** | 1  2  3  4  5 | Chào cờ  Học vần  Học vần  Thể dục  Đạo đức | 17  147  148  17  17 | Chào cờ đầu tuần  ăt- ât  ăt- ât  Trật tự trong giờ học (T2) |
| **Ba 9/12** | 1  2  3  4  5 | Toán  Học vần  Học vần  Hát nhạc  KNS | 65  149  150  17  17 | Luyện tập chung  ôt- ơt  ôt- ơt  Bài 9: Góc học tập xinh xắn (T1) |
| **Tư 10/12** | 1  2  3  4  5 | Toán  Học vần  Học vần  TNXH | 66  151  152  17 | Luyện tập chung  et- êt  et-êt  Giữ gìn lớp học sạch đẹp.  (**KNS+BVMT+NL)** |
| **Năm 11/12** | 1  2  3  4 | Toán  Mĩ thuật  Học vần  Học vần | 67  17  153  154 | Luyện tập chung    ut- ưt  ut- ưt |
| **Sáu 12/12** | 1  2  3  4  5 | Toán  Tập viết  Tập viết Thủ công  HĐTT | 68  15  16  17  17 | Kiểm tra định kì  Thành kiếm, âu yếm, ao chuôm  Xay bột, nét chữ, kết bạn….  Gấp cái ví (T1)  Sh cuối tuần- HĐ ngoại khóa |

Thứ hai, ngày 8 tháng 12 năm 2014

**Học vần**

Bài 68: **ăt- ât**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Đọc được *ăt, ât, rửa mặt, đấu vật;* từ và đoạn thơ ứng dụng.

- Viết được *ăt, ât, rửa mặt, đấu vật.*

- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Ngày chủ nhật.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bộ ghép chữ Học vần.

- Tranh (mẫu vật) minh họa từ và câu ứng dụng.

- Tranh minh họa phần luyện nói.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **TIẾT 1**  **I. Kiểm tra bài cũ:**  - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.  **-** Cho HS viết bảng con ot, at, tiếng hót, ca hát.  **II. Dạy bài mới:**  **1. Giới thiệu bài:**  **2. Dạy vần:**  **\* Vần ăt:**  **a). Nhận diện vần:**  - GV viết bảng vần ***ăt*** và nói: Đây là vần ***ăt.***  **b). Phát âm và đánh vần tiếng:**  - GV yêu cầu HS phân tích vần ***ăt.***  - GV yêu cầu HS ghép vần ***ăt*** trong bộ học vần.  - GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần ***á – tờ - ăt - ăt.*** GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.  - GV yêu cầu HS ghép tiếng ***mặt.***  - GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng ***mặt.***  - GV cho HS phân tích tiếng ***mặt***và đánh vần tiếng ***mặt.***  - GV đánh vần mẫu ***mờ - ăt – măt – nặng – mặt – mặt.***  - GV đưa tranh rút ra từ khóa ***rửa mặt*** và viết bảng từ khóa ***rửa mặt.***  - Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: ***rửa mặt.***  ***\* Vần ât:*** Tiến hành tương tự như dạy vần ăt.  - GV cho HS so sánh vần ăt và vần ât:  c**). Hướng dẫn viết vần ăt, ât, rửa mặt, đấu vật:**  - GV hướng dẫn HS *viết ăt, ât, rửa mặt, đấu vật* vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.  **3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**  - GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *đôi mắt, bắt tay, mật ong, thật thà.*  - GV gọi HS đọc trơn cá nhân.  - GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.  - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  **TIẾT 2**  **4. Luyện tập:**  **a). Luyện đọc:**  - Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng CN, lớp.  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  - GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.  ***Cái mỏ tí hon***  ***Cái chân bé xíu***  ***Lông vàng mát dịu***  ***Mắt đen sáng ngời***  ***Ơi chú gà ơi***  ***Ta yêu chú lắm.***  - Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.  - GV đọc mẫu câu ứng dụng.  **b). Luyện viết**:  - HS luyện viết ăt, ât, rửa mặt, đấu vật vào tập viết 1.  **c). Luyện nói:**  - GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện nói *Ngày chủ nhật*  - GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Ngày chủ nhật em thường làm gì? Bố mẹ dẫn em đi đâu vào ngày chủ nhật? .... GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.  **III. Củng cố - Dặn dò:**  - Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 70.  - Nhận xét tiết học. | - 3 HS đọc lại bài cũ.  - HS viết bảng con ot, at, tiếng hót, ca hát.  - HS quan sát.  - HS phân tích vần ***ăt*** gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm ă đứng trước, âm t đứng sau.  - HS ghép vần ***ăt*** trong bộ chữ học vần.  - HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.  - HS ghép tiếng ***mặt*** bằng bộ học vần.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đánh vần cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.  - HS so sánh:  + Giống: đều kết thúc bằng âm t.  + Khác: vần ăt bắt đầu bằng âm ă, vần ât bắt đầu bằng âm â.  - HS viết bảng con *ăt, ât, rửa mặt, đấu vật.*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  - HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.  - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh bạn nhỏ đang bế chú gà con trên tay.  - HS lắng nghe.  - HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.  - HS lắng nghe.  - HS luyện viết vào tập viết 1.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời câu hỏi thành câu.  - HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.  - HS lắng nghe. |

**ĐẠO ĐỨC (T2)**

Bài 9: **TRẬT TỰ TRONG TRƯỜNG HỌC**

Đã soạn ở Tuần 16.

Thứ ba, ngày 10 tháng 12 năm 2013

**TOÁN**

Bài: **LUYỆN TẬP CHUNG (**trang 90**)**

**I. MỤC TIÊU:**

- Biết cấu tạo mỗi số trong phạm vi 10.

- Viết được các số theo thứ tự quy định.

- Viết được phép tính thích hợp với tóm tắt bài toán.

- Làm BT 1 (cột 3,4), BT2, BT3.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ ghi đề bài tập 2, 3..

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **I. Giới thiệu bài mới:** GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.  **III** **Luyện tập:**  **\* Bài 1:**  - GV ghi đề bài tập 1 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào sgk.  - Gọi HS đọc kết quả, GV ghi bảng kết quả.  **\* Bài 2:**  - GV đính bảng phụ ghi đề bài tập 2 lên bảng, yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào bảng con. Sau đó đọc kết quả, GV ghi bảng kết quả.  **\* Bài 3:**  - GV ghi đề bài tập 3 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và cho HS làm bài vào tập toán.  - Yêu cầu HS nêu tóm tắt 2 bài toán và phép tính có được.  - Sau mỗi bài toán, GV nhận xét và cho HS làm bài vào tập toán..  \* GV thu tập, chấm và chữa bài cho HS.  **III. Dặn dò:**  - Yêu cầu HS về nhà làm vào Vở bài tập toán. | - HS nêu yêu cầu bài tập: Điền số thích hợp  ***Lời giải:***  8=**5**+3 10=8+**2**  8=4+**4** 10=**7**+3  9=**8**+1 10=6+**4**  9=**6**+3 10=**5**+5  9=7+**2** 10=**10**+0  9=5+**4** 10=0+**10**  10=**9**+1 1=1+**0**  - HS đọc kết quả.  - HS nêu yêu cầu bài tập: **Sắp xếp các số cho trước theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé.**  - HS làm bài và đọc kết quả:  **Lời giải:**  **a). Theo thứ tự từ bé đến lớn: 2, 5, 7, 8, 9.**  **b)Theo thứ tự từ lớn đến bé: 9, 8 7, 5, 2**  - HS nêu yêu cầu bài tập: Viết phép tính thích hợp.  - HS nêu tóm tắt bài toán 3a: *có 4 bông hoa, thêm 3 bông hoa nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bông hoa? Ta có phép tính:* **4 + 3 = 7**  - HS nêu tóm tắt bài toán 3b: *Có 7 lá cờ, bớt đi 2 lá cờ. Hỏi còn lại bao nhiêu lá cờ?*  *Ta có phép tính* **7 - 2 = 5** |

**Học vần**

Bài 70: **ôt- ơt (GDBVMT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Đọc được *ôt, ơt, cột cờ, cái vợt*; từ và câu ứng dụng.

- Viết được *ôt, ơt, cột cờ, cái vợt.*

- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Những người bạn tốt.*

***\** GDBVMT:**

**- Biết được lợi ích của việc trồng cây xanh.**

**- Có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường thiên nhiên.**

**- Yêu thích việc giữ gìn và bảo vệ môi trường thiên nhiên.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **TIẾT 1**  **I. Kiểm tra bài cũ:**  - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.  **-** Cho HS viết bảng con ăt, ât, rửa mặt, đấu vật.  **II. Dạy bài mới:**  **1. Giới thiệu bài:**  **2. Dạy vần:**  **\* Vần ôt:**  **a). Nhận diện vần:**  - GV viết bảng vần ***ôt*** và nói: Đây là vần ***ôt.***  **b). Phát âm và đánh vần tiếng:**  - GV yêu cầu HS phân tích vần ***ôt.***  - GV yêu cầu HS ghép vần ***ôt*** trong bộ học vần.  - GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần ***ô – tờ - ôt - ôt.*** GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.  - GV yêu cầu HS ghép tiếng ***cột.***  - GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng ***cột.***  - GV cho HS phân tích tiếng ***cột***và đánh vần tiếng ***cột.***  - GV đánh vần mẫu ***cờ - ôt – côt – nặng – cột – cột..***  - GV đưa tranh rút ra từ khóa ***cột cờ*** và viết bảng từ khóa ***cột cờ.***  - Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: ***cột cờ***  ***\* Vần ơt:*** Tiến hành tương tự như dạy vần ôt.  - GV cho HS so sánh vần ôt và vần ơt:  c**). Hướng dẫn viết vần ôt, ơt, cột cờ, cái vợt:**  - GV hướng dẫn HS viết *ôt, ơt, cột cờ, cái vợt* vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.  **3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**  - GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *cơn sốt, xay bột, quả ớt, ngớt mưa.*  - GV gọi HS đọc trơn cá nhân.  - GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.  - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  **TIẾT 2**  **4. Luyện tập:**  **a). Luyện đọc:**  - Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  - GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.  ***Hỏi cây bao nhiêu tuổi***  ***Cây không nhớ tháng năm***  ***Cây chỉ dang tay lá***  ***Che tròn một bóng râm.***  - Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.  ***- GDBVMT:*** GV đặt câu hỏi:  *+ Các em thấy cây xanh cho chúng ta cái gì?*  *+ Để thiên nhiên luôn tươi đẹp, chúng ta phải làm gì?*    - GV kết luận: ***trồng cây có rất nhiều lợi ích và chúng ta phải biết tích cực trồng và bảo vệ cây, không phá cây để có một môi trường thiên nhiên tươi đẹp.***  **b). Luyện viết**:  - HS luyện viết ôt, ơt, cột cờ, cái vợt vào tập viết 1.  **c). Luyện nói:**  - GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện *Những người bạn tốt.*  - GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Theo em, thế nào là bạn tốt? Em hãy giới thiệu những người bạn tốt của em?....GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.  **III. Củng cố - Dặn dò:**  - Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 71.  - Nhận xét tiết học. | - 3 HS đọc lại bài cũ.  - HS viết bảng con ăt, ât, rửa mặt, đấu vật.  - HS quan sát.  - HS phân tích vần ***ôt*** gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm ô đứng trước, âm t đứng sau.  - HS ghép vần ***ôt*** trong bộ chữ học vần.  - HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.  - HS ghép tiếng ***cột*** bằng bộ học vần.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đánh vần cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.  - HS so sánh:  + Giống: đều kết thúc bằng âm t.  + Khác: vần ôt bắt đầu bằng âm ô, vần ơt bắt đầu bằng âm ơ.  - HS viết bảng con *ôt, ơt, cột cờ, cái vợt.*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  - HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.  - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh cây đa và chú trâu đang nằm ở dưới gốc cây.  - HS lắng nghe.  - HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.  - HS trả lời:  *+ Cây xanh cho chúng ta bóng mát, làm cho cảnh vật thiên nhiên thêm đẹp.*  *+ Chúng ta phải bảo vệ thiên nhiên, chăm sóc các cây đã sống lâu năm như cây đa, trồng thêm nhiều cây xanh.*  - HS lắng nghe.  - HS luyện viết vào tập viết 1.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời câu hỏi thành câu.  - HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.  - HS lắng nghe. |

**THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG**

**Bài 9: GÓC HỌC TẬP XINH XẮN (Tiết 1)**

**I/ Mục tiêu:**

- GD KN sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngay ngắn theo quy tắc “một chạm”

- Rèn thói quen gọn gàng trong mọi việc.

- Qua đó HS có óc thẩm mĩ, sáng tạo trong việc sắp xếp góc học tập .

**II/ Đồ dùng dạy học:**

- Tranh TH kỹ năng sống Lớp 1, SGK, bút chì, bút màu sáp…

**III/ Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 1**  **1.Ổn định:**  **2. KTBC:**  - Để tập trung khi học trên lớp, em phải thực hiện như thế nào?  - Ở nhà, em cần làm gì để tập trung học thật tốt?  **Hoạt động 1**: Giới thiệu bài.  - GV giới thiệu và ghi tựa bài  **Hoạt động 2:** Bài tập  **\*Bài tập 1:** Sắp xếp sách vở  a. Lợi ích của việc sắp xếp sách vở hợp lí.  - GV yêu cầu HS thảo luận qua câu hỏi: Lợi ích của sắp xếp sách vở là gì?  - GVNXKL  - GV hướng dẫn HS làm bài tập SGK  **\* Bài tập:**  (Đánh dấu x vào trước lựa chọn của em).  - GV nêu yêu cầu bài tập.  1. Cách sắp xếp nào dưới đây giúp em tìm sách vở dễ dàng nhất?  2. Sắp xếp sách vở giúp em điều gì?  - GV cho HS quan sát tranh (10 tranh). GV nêu nội dung từng tranh.  - Hoạt động cả lớp.  - GV nhận xét, chốt lại:  - GVNXKL  b. Xếp sách vở theo quy tắc “một chạm”  - GV nêu câu hỏi thảo luận: Cách sắp xếp sách vở nào hợp lí và gọn gàng nhất?  **\* Bài tập:** Tìm ra những cách sắp xếp sách vở phù hợp:  (Đánh dấu x vào trước lựa chọn của em).  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV đọc từng nội dung cho HS lựa chọn.  - Hoạt động cả lớp.  - GV nhận xét, chốt lại  - GV nêu câu hỏi thảo luận: Khi xếp sách vở, nên sắp xếp như thế nào?  **\* Bài tập:** Cách sắp xếp sách vở nào tốt hơn?  (Đánh dấu x vào trước lựa chọn của em).  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV cho HS quan sát tranh (2 tranh). GV nêu nội dung từng tranh.  - Hoạt động cả lớp.  - GV nhận xét, chốt lại:  **BÀI HỌC:** Sắp xếp sách vở để khi cần em lấy được ngay:  + Sắp xếp sách:  - Sách học và sách tham khảo để riêng;  - Sách cùng môn học để gần nhau;  - Gáy sách quay ra ngoài.  + Sắp xếp vở:  - Vở học chính và vở học thêm để riêng;  - Vở cùng môn học để cạnh nhau;  - Gáy vở quay ra ngoài;  - Nhãn vở quay lên trên.  **Tiết 2**  **\*Bài tập 2:** Sắp xếp dụng cụ học tập  a. Lợi ích của việc sắp xếp dụng cụ hợp lí.  - GV kể chuyện: Bút chì của Trang đâu?  - GD HS qua câu chuyện vừa kể.  - GV nêu yêu cầu HS thảo luận: Em trao đổi để tìm ra lợi ích của việc sắp xếp dụng cụ.  - GVNXKL  **BÀI HỌC:** Sắp xếp dụng cụ gọn gàng, hợp lí giúp em:  - Thuận tiện khi sử dụng.  - Tiết kiệm thời gian.  b. Cách sắp xếp hợp lí  **\* Bài tập :** Đâu là cách sắp xếp gọn gàng?  (Đánh dấu x vào trước lựa chọn của em).  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV cho HS quan sát tranh (4 tranh). GV nêu nội dung từng tranh.  - Hoạt động cả lớp.  - GV nhận xét, chốt lại  - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận: Cách sắp xếp dụng cụ học tập vào ống dựng và hộp bút theo quy tắc “một chạm”.  **\* Bài tập :**  Chọn hình ảnh thể hiện cách sắp xếp hợp lí:  (Đánh dấu x vào trước lựa chọn của em).  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV cho HS quan sát tranh (4tranh). GV nêu nội dung từng tranh.  - Hoạt động cả lớp.  - GV nhận xét, chốt lại  **BÀI HỌC :** Sắp xếp dụng cụ hợp lí: Để dụng cụ theo quy tắc “một chạm”.  - Sắp xếp dụng cụ gọn gàng: Để dụng cụ đúng nơi quy định.  - GV đọc bài thơ: Góc học tập của em  - GD HS qua bài thơ.  **\*Bài tập 3: Luyện tập**  **-** Hỏi lại bài:  - Về nhà:  a. Em sắp xếp lại sách vở và đồ dùng học tập của mình gọn gàng và hợp lí  b. Em đọc lại bài Góc học tập của em cho bố mẹ nghe.  - Chuẩn bị bài sau: “ Em là người bạn tốt”. | - HS nêu  - HS lắng nghe và nêu lại tựa bài.  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS trình bày - NX  - HS làm BT cá nhân, trình bày kết quả - NX  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - HS thảo luận nhóm đôi, kể cho bạn nghe.  - HS trình bày - NX  - HS nêu lựa chọn, nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm đôi – HS trình bày.  - HS làm BT cá nhân  - HS lắng nghe yêu cầu, nội dung tranh.  - HS nêu lựa chọn, nhận xét.  - Cả lớp lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi  - Trình bày – NX  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN vào SGK  - HS thực hiện CN vào SGK  - HS lắng nghe  - HS đọc bài thơ theo GV  - HS trả lời.  - HS chuẩn bị. |

Thứ tư, ngày 10 tháng 12 năm 2014

**TOÁN**

Bài: **LUYỆN TẬP CHUNG** (tr.91)

**I. MỤC TIÊU:**

- Thực hiện được so sánh các số, biết được thứ tự các số trong dãy số từ 0 đến 10.

- Biết cộng, trừ các số trong phạm vi 10.

- Viết được phép tính thích hợp với hình vẽ.

- Làm BT 1, BT2 (cột a, b, cột 1), BT3 (cột 1, 2), BT4.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ ghi đề bài tập 1.

- Tranh minh họa cho bài tập 4.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **I. Giới thiệu bài mới:** GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.  **III** **Luyện tập:**  **\* Bài 1:**  - GV đính bảng phụ ghi đề bài tập 1 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào SGK. 1 HS làm bảng phụ.  - Cho HS nhận xét bài làm trên bảng phụ và hỏi*: “Sau khi nối các chấm lại với nhau theo thứ tự ta được những hình gì?”*  **\* Bài 2:**  - GV ghi đề bài tập 2 lên bảng, yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào tập toán. Sau đó đọc kết quả, GV ghi bảng kết quả. Lưu ý, nhắc nhở HS đặt tính bài 2a theo hàng dọc các số phải thẳng hàng với nhau.  **\* Bài 3:**  - GV ghi đề bài tập cột 1, 2 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và cho HS làm bài vào sgk.  - Gọi HS đọc kết quả. GV ghi kết quả.  **\* Bài 4:**  - GV treo tranh minh họa bài 4 lên bảng và gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS nêu tóm tắt 2 bài toán và phép tính có được.  - Sau mỗi bài toán, GV nhận xét và cho HS làm bài vào tập toán.  \* GV thu tập, chấm và chữa bài cho HS.  **III. Dặn dò:**  - Yêu cầu HS về nhà làm vào Vở bài tập toán. | - HS nêu yêu cầu bài tập: Nối các chấm theo thứ tự.  - HS trả lời: *Ta được hình dấu cộng và hình chiếc xe.*  - HS đọc kết quả.  - HS nêu yêu cầu bài tập: **Tính**  - HS làm bài và đọc kết quả:  **Lời giải:**  **2a).** 10 9 6 2 9 5  - - + + - +  5 6 3 4 5 5  **5 3 9 6 4 10**  **2b) cột 1** 4 + 5 - 7 = **2**  1 + 2 + 6 = **9**  3 - 2 + 9 = **10**  - HS nêu yêu cầu bài tập: **tính nhẩm, so sánh các số và điền dấu thích hợp.** Sau đó, HS làm bài.  **Lời giải:**  0 **<** 1 3 + 2 **=** 2 + 3  10 **>** 9 7 - 4 **<** 2 + 2  - HS nêu yêu cầu bài tập: **Viết phép tính thích hợp.**  - HS nêu tóm tắt bài toán 4a: *có 5 con vịt đang bơi, thêm 4 con vịt nữa đang bơi đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con vịt? Ta có phép tính*  ***5 + 4 = 9***  - HS nêu tóm tắt bài toán 4b: *có 7 chú thỏ đang chơi, 2 chú thỏ chạy đi. Hỏi còn lại bao nhiêu chú thỏ? Ta có phép tính 7 - 2 = 5* |

**Học vần**

Bài 71: **et- êt**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Đọc được *et, êt, bánh tét, dệt vải*; từ và câu ứng dụng.

- Viết được *et, êt, bánh tét, dệt vải.*

- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Chợ Tết.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **TIẾT 1**  **I. Kiểm tra bài cũ:**  - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.  **-** Cho HS viết bảng con ôt, ơt, cột cờ, cái vợt.  **II. Dạy bài mới:**  **1. Giới thiệu bài:**  **2. Dạy vần:**  **\* Vần et:**  **a). Nhận diện vần:**  - GV viết bảng vần ***et*** và nói: Đây là vần ***et.***  **b). Phát âm và đánh vần tiếng:**  - GV yêu cầu HS phân tích vần ***et.***  - GV yêu cầu HS ghép vần ***et*** trong bộ học vần.  - GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần ***e – tờ - et - et.*** GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.  - GV yêu cầu HS ghép tiếng ***tét.***  - GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng ***tét.***  - GV cho HS phân tích tiếng ***tét***và đánh vần tiếng ***tét.***  - GV đánh vần mẫu ***tờ - et – tet – sắc – tét – tét.***  - GV đưa tranh rút ra từ khóa ***bánh tét*** và viết bảng từ khóa ***bánh tét.***  - Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: ***bánh tét.***  ***\* Vần êt:*** Tiến hành tương tự như dạy vần et.  - GV cho HS so sánh vần et và vần êt:  c**). Hướng dẫn viết vần et, êt, bánh tét, dệt vải:**  - GV hướng dẫn HS viết et, êt, bánh tét, dệt vảivào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.  **3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**  - GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *nét chữ, sấm sét, con rết, kết bạn.*  - GV gọi HS đọc trơn cá nhân.  - GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.  - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  **TIẾT 2**  **4. Luyện tập:**  **a). Luyện đọc:**  - Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  - GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.  ***Chim tránh rét bay về phương nam. Cả đàn đã thấm mệt nhưng vẫn cố bay theo hàng.***  - Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.  **b). Luyện viết**:  - HS luyện viết et, êt, bánh tét, dệt vải vào tập viết 1.  **c). Luyện nói:**  - GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện *Chợ Tết.*  - GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Chợ Tết có những gì? Em có bao giờ đi chợ Tết với mẹ chưa? Hãy kể những gì em thấy được ở chợ Tết?  - GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.  **III. Củng cố - Dặn dò:**  - Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài  - Xem trước bài 72.  - Nhận xét tiết học. | - 3 HS đọc lại bài cũ.  - HS viết bảng con ôt, ơt, cột cờ, cái vợt.  - HS quan sát.  - HS phân tích vần ***et*** gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm e đứng trước, âm t đứng sau.  - HS ghép vần ***et*** trong bộ chữ học vần.  - HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.  - HS ghép tiếng ***tét*** bằng bộ học vần.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đánh vần cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.  - HS so sánh:  + Giống: đều kết thúc bằng âm t.  + Khác: vần et bắt đầu bằng âm e, vần êt bắt đầu bằng âm ê.  - HS viết bảng con *et, êt, bánh tét, dệt vải.*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  - HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.  - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh đàn chim đang bay về phương nam để tránh rét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.  - HS luyện viết vào tập viết 1.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời câu hỏi thành câu.  - HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.  - HS lắng nghe. |

**Tự nhiên và xã hội**

Bài 17: **GIỮ GÌN LỚP HỌC SẠCH, ĐẸP**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Nhận biết được thế nào là lớp học sạch, đẹp.

- Biết giữ gìn lớp học sạch, đẹp.

**\* GDBVMT:** **Biết sự cần thiết phải giữ gìn môi trường lớp học sạch đẹp; biết các công việc cần phải làm để lớp học sạch đẹp; có ý thức giữ gìn lớp học sạch sẽ, không vứt rác, vẽ bậy lên bàn, lên tường; sắp xếp đồ dùng học tập cá nhân và đồ dùng của lớp gọn gàng, trang trí lớp học.**

**\* KNS: kĩ năng làm chủ bản thân; kĩ năng ra quyết định; phát triển kĩ năng hợp tác.**

***\* NL: giáo dục HS ý thức tiết kiệm khi sử dụng nước để làm vệ sinh giữ gìn lớp học sạch đẹp.***

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**-** Mô hình một số dụng cụ để vệ sinh lớp học: chổi, đồ hốt rác, khẩu trang, khăn lau.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **1. Khám phá:**  **Giới thiệu bài:**  **-** GV hỏi:  *+ Các em có yêu quý lớp học của mình không?*  *+ Yêu quý lớp học thì các em phải làm gì?*  - GV giới thiệu vào bài: Hôm nay, chúng ta sẽ học ***bài “Giữ gìn lớp học sạch, đẹp”*** để biết được những công việc cần làm để giữ cho lớp học của chúng ta luôn sạch, đẹp.  - GV ghi tựa bài lên bảng, gọi HS nhắc lại tựa bài.  **2. Kết nối:**  **Hoạt động 1: Quan sát tranh ở trang 36, trả lời câu hỏi để biết giữ gìn lớp học sạch đẹp.**  **\*** Mục tiêu: giúp HS biết những việc cần làm để giữ gìn trường lớp luôn sạch đẹp.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Trong bức tranh thứ nhất, các bạn đang làm gì? Các bạn sử dụng những dụng cụ gì?*  *+ Trong bức tranh thứ hai, các bạn đang làm gì? Các bạn sử dụng những dụng cụ gì?*  - GV nhận xét và yêu cầu HS quan sát lớp học trả lời câu hỏi (lồng ghép **GDBVMT** và **kĩ năng làm chủ bản thân, kĩ năng ra quyết định**)  *+ Lớp của chúng ta đã sạch đẹp chưa?*  *+ Bàn ghế trong lớp có xếp ngay ngắn chưa?*  *+ Em có viết, vẽ bậy lên bàn, ghế, tường không?*  *+ Em có vứt rác bừa bãi ra lớp không?*  *+ Em nên làm gì để giữ cho lớp học sạch đẹp?*  *-* GV kết luận ***(GDBVMT):* Để lớp học sạch đẹp, mỗi HS phải luôn có ý thức giữ gìn lớp học sạch đẹp và tham gia những hoạt động làm cho lớp học của mình sạch, đẹp.**  *-* GV định hướng cho HS tự nhận việc để làm cho lớp học sạch đẹp: nhiệm vụ chính là nhắc nhở các bạn không được xả rác, vẽ bậy lên bàn, ghế, tường, nhắc nhở các bạn phải kê bàn ghế cho ngay ngắn.  **3. Thực hành:**  **Hoạt động 2: Thảo luận và thực hành theo nhóm để biết cách sử dụng một số dụng cụ để làm vệ sinh lớp học (lồng ghép phát triển kĩ năng hợp tác)**  \* Mục tiêu: giúp HS biết cách sử dụng một số dụng cụ để làm vệ sinh lớp học, rèn luyện kĩ năng hợp tác cho HS.  - GV đưa những mô hình dụng cụ vệ sinh lớp học và hỏi HS cách sử dụng chúng.  - Gọi vài nhóm HS lên thực hành làm vệ sinh lớp học.  - GV kết luận: *Phải biết sử dụng dụng cụ hợp lí, có như vậy mới đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh cơ thể.*  - GV nêu kết luận chung: ***Lớp học sạch đẹp sẽ giúp các em khỏe mạnh và học tập tốt hơn. Vì vậy, các em phải luôn có ý thức giữ cho lớp học sạch đẹp.***  **4. Vận dụng:**  - Yêu cầu các tổ thực hiện nhiệm vụ của mình. | - HS trả lời cá nhân:  *+ Có.*  *+ Phải giữ gìn lớp học sạch, đẹp.*  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tựa bài ***Giữ gìn lớp học sạch đẹp.***  - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + *Trong bức tranh thứ nhất, các bạn đang làm vệ sinh lớp học. Các bạn sử dụng chổi quét nhà, khăn lau, đồ hốt rác và các bạn có đeo khẩu trang.*  *+ Trong bức tranh thứ hai, các bạn đang trang trí lớp học. Các bạn sử dụng những bài viết, những hình vẽ, hoa để trang trí làm cho lớp học đẹp hơn.*  - HS trả lời cá nhân:  *+ Tùy thuộc vào lớp học lúc ấy: đã sạch hoặc chưa.*  *+ Tùy thuộc vào lớp học lúc ấy.*  *+ Không.*  *+ Không.*  *+ Không vứt rác, không vẽ bậy, trang trí lớp học, giữ cho bàn ghế luôn ngay ngắn.*  - HS lắng nghe.  - HS tự phân công công việc.  + Tổ 1: trực vào ngày thứ 2.  + Tổ 2: trực vào ngày thứ 3.  + Tổ 3: trực vào ngày thứ 4.  + Tổ 4: trực vào ngày thứ 5  + Cán bộ lớp: trực vào ngày thứ 6.  - HS quan sát các mô hình và trả lời cách sử dụng chúng  *+ Chổi: dùng để quét lớp.*  *+ Đồ hốt rác: dùng để hốt rác đem bỏ thùng rác.*  *+ Khẩu trang: dùng để đeo chống bụi.*  *+ Khăn lau: dùng để lau sạch bàn ghế, bảng.*  - HS lắng nghe. |

Thứ năm, ngày 11 tháng 12 năm 2014

**TOÁN**

Bài: **LUYỆN TẬP** (tr. 92)

**I. MỤC TIÊU:**

- Biết cấu tạo các số trong phạm vi 10.

- Thực hiện được cộng, trừ, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Viết được phép tính thích hợp với hình vẽ.

- Nhận dạng hình tam giác.

- Biết làm bài 1, bài 2 (dòng 1), bài 3, bài 4.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh minh họa cho bài tập 4 khổ to.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **I. Giới thiệu bài mới:** GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.  **III** **Luyện tập:**  **\* Bài 1:**  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào bảng con. Chú ý, GV cho HS nêu lại cách làm bài tập 1b  - Gọi HS đọc kết quả. GV nhận xét.  **\* Bài 2:**  - GV yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào SGK. Sau đó đọc kết quả, GV nhận xét.  **\* Bài 3:**  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập và gọi HS đọc kết quả. GV nhận xét và yêu cầu HS làm bài vào bảng con.  - Gọi HS đọc kết quả. GV ghi kết quả.  **\* Bài 4:**  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào SGK.  - GV gọi HS đọc kết quả bài làm. GV nhận xét.  **III. Dặn dò:**  - Yêu cầu HS về nhà làm vào Vở bài tập toán. | - HS nêu yêu cầu bài tập: **Tính.** HS nêu lại cách làm bài tập 1b: *ta thực hiện phép tính từ trái sang phải, thực hiện phép tính thứ nhất, sau đó lấy kết quả thực hiện phép tính thứ hai ta được kết quả cuối cùng.*  **Lời giải:**  4 9 5 8 2 10  + - + - + -  6 2 3 7 7 8  **10 7 8 1 9 2**  **1b).**  8-5-2=**2** 9-5+4=**8**  4+4-6=**2** 6-3+2=**5**  10-9+7=**8** 10+0-5=**5**  2+6+1=**9** 7-4+4=**7**  - HS nêu yêu cầu bài tập 2: **Điền số thích hợp.**  **Lời giải:**  8 = **3** + 5 9 = 10 - **1** 7 = **0** + 7  10 = 4 + **6** 6 = **1** + 5 2 = 2 - **0**  - HS nêu yêu cầu bài tập: Tìm số lớn nhất và số bé nhất trong các số đã cho.  - HS trả lời:  *+ Số lớn nhất:* **10**  *+ Số bé nhất:* **2**  **-** HS nêu yêu cầu bài tập: **Viết phép tính thích hợp.**  **-** HS làm bài vào SGK.  - HS đọc kết quả: 5 + 2 = 7  - HS lắng nghe. |

**Học vần**

Bài 72: **ut- ưt**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Đọc được *ut, ưt, bút chì, mứt gừng*; từ và câu ứng dụng.

- Viết được *ut, ưt, bút chì, bánh mứt.*

- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Ngón út, em út, sau rốt.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **TIẾT 1**  **I. Kiểm tra bài cũ:**  - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.  **-** Cho HS viết bảng con et, êt, bánh tét, dệt vải.  **II. Dạy bài mới:**  **1. Giới thiệu bài:**  **2. Dạy vần:**  **\* Vần ut:**  **a). Nhận diện vần:**  - GV viết bảng vần ***ut*** và nói: Đây là vần ***ut.***  **b). Phát âm và đánh vần tiếng:**  - GV yêu cầu HS phân tích vần ***ut.***  - GV yêu cầu HS ghép vần ***ut*** trong bộ học vần.  - GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần ***u – tờ - ut - ut.*** GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.  - GV yêu cầu HS ghép tiếng ***bút.***  - GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng ***bút.***  - GV cho HS phân tích tiếng ***bút***và đánh vần tiếng ***bút.***  - GV đánh vần mẫu ***bờ - ut – but – sắc – bút – bút.***  - GV đưa tranh rút ra từ khóa ***bút chì*** và viết bảng từ khóa ***bút chì***  - Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: ***bút chì.***  ***\* Vần ưt:*** Tiến hành tương tự như dạy vần ut.  - GV cho HS so sánh vần ut và vần ưt:  c**). Hướng dẫn viết vần ut, ưt, bút chì, mứt gừng:**  - GV hướng dẫn HS viết ut, ưt, bút chì, mứt gừngvào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.  **3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**  - GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *chim cút, sút bóng, sứt răng, nứt nẻ.*  - GV gọi HS đọc trơn cá nhân.  - GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.  - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  **TIẾT 2**  **4. Luyện tập:**  **a). Luyện đọc:**  - Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  - GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.  ***Bay cao cao vút***  ***Chim biến mất rồi***  ***Chỉ còn tiếng hót***  ***Làm xanh da trời.***  - Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.  **b). Luyện viết**:  - HS luyện viết ut, ưt, bút chì, mứt gừng vào tập viết 1.  **c). Luyện nói:**  - GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện *ngón út, em út, sau rốt*  - GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Yêu cầu cả lớp giơ ngón út của mình lên? Em hãy kể tên em út trong nhà của em?Chú vịt đi sau cùng gọi là đi như thế nào?  - GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.  **III. Củng cố - Dặn dò:**  - Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài  - Xem trước bài 73.  - Nhận xét tiết học. | - 3 HS đọc lại bài cũ.  - HS viết bảng con et, êt, bánh tét, dệt vải.  - HS quan sát.  - HS phân tích vần ***ut*** gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm u đứng trước, âm t đứng sau.  - HS ghép vần ***ut*** trong bộ chữ học vần.  - HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.  - HS ghép tiếng ***bút*** bằng bộ học vần.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đánh vần cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.  - HS so sánh:  + Giống: đều kết thúc bằng âm t.  + Khác: vần ut bắt đầu bằng âm u, vần ưt bắt đầu bằng âm ư.  - HS viết bảng con *ut, ưt, bút chì, mứt gừng.*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.  - HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.  - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh hai bạn nhỏ đang nằm ngắm nhin bầu trời và lắng nghe tiếng chim.  - HS lắng nghe.  - HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.  - HS luyện viết vào tập viết 1.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trả lời câu hỏi thành câu.  - HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.  - HS lắng nghe. |

Thứ sáu, ngày 12 tháng 12 năm 2014

**Toán**

**KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

**TẬP VIẾT**

Bài: **thanh kiếm, âu yếm, ao chuôm, bánh ngọt**

**I. MỤC TIÊU:**

- Viết đúng các chữ *thanh kiếm, âu yếm, ao chuôm, bánh ngọt,…*kiểu chữ viết thường, cỡ vừa theo vở Tập viết 1, tập một.

- **HS khá, giỏi:** viết được đủ số dòng quy định trong vở Tập viết 1, tập một.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **\* Ổn định lớp:** HS hát.  **I. Kiểm tra bài cũ:**  **-** GV hỏi lại tựa bài tuần trước.  - GV cho HS viết bảng con:  + Tổ 1 và 2: *nhà trường, hiền lành.*  + Tổ 3 và 4: *đình làng, bệnh viện.*  - GV nhận xét bài viết tuần trước của HS, tuyên dương những HS viết chữ đẹp, động viên những HS viết chữ chưa đẹp.  **II. DẠY BÀI MỚI:**  **1. Giới thiệu bài:**  - GV nêu các từ sẽ học trong tiết 1 và ghi tựa bài lên bảng. Gọi HS lần lượt nhắc lại tựa bài.  **2. Hướng dẫn HS đọc và phân tích các từ: *thanh kiếm, âu yếm, ao chuôm, bánh ngọt,...***  *a. Đọc và phân tích từ thanh kiếm:*  - GV đính bảng tờ giấy ghi từ *thanh kiếm.* Gọi 2 HS đọc từ.  - GV đặt câu hỏi cho HS phân tích từ *thanh kiếm:*  *+ Chữ thanh gồm những chữ cái nào? Độ cao của các chữ?*  *+ Chữ kiếm gồm những chữ cái nào và dấu nào? Độ cao của các chữ?*  - Sau mỗi câu trả lời của HS, GV nhận xét.  - Gọi 2 HS đọc lại từ *thanh kiếm.*  *b. Đọc và phân tích các từ: âu yếm, ao chuôm, bánh ngọt,...*  - Tiến hành tương tự như hướng dẫn từ thanh kiếm.  - Gọi 1 HS đọc lại các từ trên bảng, lớp đọc đồng thanh  **3. Hướng dẫn HS viết từ:**  - GV hỏi:  + *Các chữ cái rộng mấy ô?*  *+ Khoảng cách giữa các con chữ.*  - GV viết bảng từ từng và hướng dẫn HS cách viết. GV chú ý nêu lại điểm đặt bút, điểm dừng bút.  **4. HS viết bài:**  - 1 HS nêu lại tư thế ngồi viết. 1 HS đọc lại các từ trên bảng.  - Yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.  - GV chú ý giúp đỡ một số HS viết còn sai mẫu.  \* GV chấm khoảng 5 tập, nhận xét.  **III. Củng cố:**  - Hỏi lại tựa bài.  - Dặn về nhà xem trước các từ cho tiết sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS hát.  - HS nêu một số từ trong tiết tập viết trước.  - HS viết bảng con theo yêu cầu của GV.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và lần lượt nhắc lại tựa bài ***thanh kiếm, âu yếm, ao chuôm, bánh ngọt,...***  **-**  2 HS đọc *thanh kiếm.*  - HS trả lời cá nhân: mỗi câu 1 HS.  + *Chữ thanh gồm các chữ cái: chữ t cao 3 ô, chữ h cao 5 ô, chữ a cao 2 ô, chữ n cao 2 ô và chữ h đứng cuối cao 5 ô.*  *+ Chữ kiếm gồm các chữ cái: chữ k cao 5 ô, chữ i cao 2 ô, chữ ê cao 2 ô, chữ m cao 2 ô và dấu sắc nằm trên chữ ê.*  - 2 HS đọc lại từ *thanh kiếm.*  - 1 HS đọc lại các từ trên bảng, lớp đồng thanh.  - HS trả lời:  *+ Các chữ cái rộng 1,5 ô.*  *+ Khoảng cách giữa các con chữ bằng 1 chữ o.*  - HS viết bảng con.   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - 1 HS nêu tư thế ngồi viết. 1 HS đọc lại các từ trên bảng.  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.  - 1 HS nêu lại tựa bài.  - HS lắng nghe. |

**TẬP VIẾT**

Bài: **xay bột, nét chữ, kết bạn, chim cút**

**I. MỤC TIÊU:**

- Viết đúng các chữ *xay bột, nét chữ, kết bạn, chim cút,...*kiểu chữ viết thường, cỡ vừa theo vở Tập viết 1, tập một.

- **HS khá, giỏi:** viết được đủ số dòng quy định trong vở Tập viết 1, tập một.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **\* Ổn định lớp:** HS hát.  **I. Kiểm tra bài cũ:**  **-** GV hỏi lại tựa bài tiết trước.  - GV cho HS viết bảng con:  + Tổ 1 và 2: *thành kiếm, âu yếm*  + Tổ 3 và 4: *ao chuôm, bánh ngọt*  - GV nhận xét bài viết tuần trước của HS, tuyên dương những HS viết chữ đẹp, động viên những HS viết chữ chưa đẹp.  **II. DẠY BÀI MỚI:**  **1. Giới thiệu bài:**  - GV nêu các từ sẽ học trong tiết 2 và ghi tựa bài lên bảng. Gọi HS lần lượt nhắc lại tựa bài.  **2. Hướng dẫn HS đọc và phân tích các từ: *xay bột, nét chữ, kết bạn, chim cút,...***  *a. Đọc và phân tích từ xay bột:*  - GV đính bảng tờ giấy ghi từ *xay bột.* Gọi 2 HS đọc từ.  - GV đặt câu hỏi cho HS phân tích từ *xay bột*  *+ Chữ xay gồm những chữ cái nào? Độ cao của các chữ?*  *+ Chữ bột gồm những chữ cái nào và dấu nào? Độ cao của các chữ?*  - Sau mỗi câu trả lời của HS, GV nhận xét.  - Gọi 2 HS đọc lại từ *xay bột.*  *b. Đọc và phân tích các từ: nét chữ, kết bạn, chim cút,…*  - Tiến hành tương tự như hướng dẫn từ xay bột.  - Gọi 1 HS đọc lại các từ trên bảng, lớp đọc đồng thanh  **3. Hướng dẫn HS viết từ:**  - GV hỏi:  + *Các chữ cái rộng mấy ô?*  *+ Khoảng cách giữa các con chữ.*  - GV viết bảng từ từng và hướng dẫn HS cách viết. GV chú ý nêu lại điểm đặt bút, điểm dừng bút.  **4. HS viết bài:**  - 1 HS nêu lại tư thế ngồi viết. 1 HS đọc lại các từ trên bảng.  - Yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.  - GV chú ý giúp đỡ một số HS viết còn sai mẫu.  \* GV chấm khoảng 5 tập, nhận xét.  **III. Củng cố:**  - Hỏi lại tựa bài.  - Dặn về nhà xem trước các từ cho tiết sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS hát.  - HS nêu một số từ trong tiết tập viết trước.  - HS viết bảng con theo yêu cầu của GV.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và lần lượt nhắc lại tựa bài ***xay bột, nét chữ, kết bạn, chim cút,...***  **-**  2 HS đọc *xay bột.*  - HS trả lời cá nhân: mỗi câu 1HS.  + *Chữ xay gồm các chữ cái: chữ x cao 2 ô, chữ a cao 2 ô, chữ y cao 5 ô.*  *+ Chữ bột gồm các chữ cái: chữ b cao 5 ô, chữ ô cao 2 ô, chữ t cao 3 ô và dấu nặng nằm dưới chữ ô.*  - 2 HS đọc lại từ *xay bột.*  - 1 HS đọc lại các từ trên bảng, lớp đồng thanh.  - HS trả lời:  *+ Các chữ cái rộng 1,5 ô.*  *+ Khoảng cách giữa các con chữ bằng 1 chữ o.*  - HS viết bảng con.   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   - 1 HS nêu tư thế ngồi viết. 1 HS đọc lại các từ trên bảng.  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.  - 1 HS nêu lại tựa bài.  - HS lắng nghe. |

**THỦ CÔNG.**

Bài: **GẤP CÁI VÍ (T1)**

**I.MỤC TIÊU:**

- Biết cách gấp cái ví bằng giấy.

- Gấp được cái ví bằng giấy. Ví có thể chưa cân đối. Các nếp gấp tương đối thẳng, phẳng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- Ví mẫu bằng giấy màu có kích thước lớn.

- 1 tờ giấy màu hình chữ nhật.

- Tranh quy trình gấp cái ví.

**2**. **HS:**

- Giấy nháp trắng, giấy màu hình chữ nhật có kẻ ô.

- Vở thủ công.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN** | **HỌC SINH** |
| **I. Giới thiệu bài:** GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng. Gọi HS nhắc lại tựa bài.  **II. Dạy bài mới:**  **1. GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu:**  - GV cho HS quan sát mẫu và hỏi:  + *Cái ví này có mấy ngăn?*  *+ Ví được gấp bằng tờ giấy hình gì?*  - GV kết luận: *muốn gấp cái ví, chúng ta phải chuẩn bị một tờ giấy hình chữ nhật.*  **2. GV hướng dẫn mẫu:**  - GV treo tranh quy trình lên bảng và vừa làm vừa chỉ vào tranh quy trình theo từng bước gấp.  ***\* Bước 1: Lấy đường dấu giữa.***  - Đặt tờ giấy màu hình chữ nhật trước mặt, để dọc giấy. Mặt màu ở dưới. Gấp đôi tờ giấy để lấy đường dấu giữa (H1). Sau khi lấy dấu xong, GV mở tờ giấy ra cho HS quan sát (H2). GV lưu ý nhắc nhở HS để dọc giấy, mặt màu úp xuống. Khi gấp phải gấp từ dưới lên, 2 mép giấy khít nhau.  ***\* Bước 2: Gấp 2 mép ví.***  - Gấp mép 2 đầu tờ giấy vào khoảng 1ô được hình 4.  ***\* Bước 3: Gấp ví.***  - Gấp tiếp 2 phần ngoài (H4) vào trong sao cho 2 miệng ví sát vào đường dấu giữa (H6) được hình 7.  - Lật hình 7 ra mặt sau theo bề ngang giấy như hình 8. Gấp 2 phần ngoài vào trong sao cho cân đối giữa bề dài và bề ngang của ví (H9) được hình 10.  - Gấp đôi hình 10 theo đường dấu giữa, cái ví đã hoàn thành.  - GV đưa mẫu những chiếc ví với màu sắc và hoa văn khác nhau cho HS xem và nói: Để cho chiếc ví được đẹp, ta có thể dùng nhiều màu sắc khác nhau hoặc vẽ trang trí thêm hoa văn lên chiếc ví.  - GV nhắc lại quy trình 1 lần. Gọi HS nhắc lại quy trình cá nhân.  - Yêu cầu HS thực hành gấp cái ví trên giấy trắng có kẻ ô. GV theo dõi, hướng dẫn HS.  **III. Nhận xét:**  - Gọi HS nhắc lại quy trình gấp cái ví.  - Nhận xét tiết học. | - HS nhắc lại tựa bài: **Gấp cái ví.**  **-** HS quan sát và trả lời:  + *Cái ví này có 2 ngăn.*  *+ Ví được gấp bằng tờ giấy hình chữ nhật.*  - HS lắng nghe.  - HS quan sát GV hướng dẫn mẫu gấp cái ví.  - HS nhắc lại quy trình gấp cái ví cá nhân.  - HS thực hành gấp cái ví trên giấy trắng có kẻ ô.  - HS nhắc lại quy trình gấp cái ví. |

**SINH HOẠT LỚP**

**CHỦ ĐIỂM: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN**

**I. MỤC TIÊU:**

**-** Giúp cho HS biết về truyền thống dân tộc, về anh bộ đội cụ Hồ.

- Có ý thức tự hào, tôn trọng truyền thống dân tộc.

**-** Kiểm điểm lại các hoạt động về học tập, chuyên cần của HS trong tuần qua.

**II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

1. **Công việc chuẩn bị:** tranh, bài hát về anh bộ đội cụ Hồ.
2. **Thời gian tiến hành:** Thứ sáu, ngày 12 tháng 12 năm 2014
3. **Địa điểm:** tại phòng học lớp 1A5
4. **Nội dung hoạt động:** kiểm điểm lại tình hình của lớp trong tuần, tiếp tục triển khai chủ điểm của tháng.
5. **Tiến hành hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GV nhận xét chung về tình hình của lớp trong tuần 17.  + Về học tập: nhắc nhở những HS tiếp tục thực hiện tốt các bài tập về nhà mà GV giao cho. Khen ngợi những HS có sự tiến bộ trong học tập. Khen ngợi những HS viết chữ đẹp, tập vở sạch sẽ.  + Nhắc HS về nhà luyện đọc lại các bài từ bài 69 đến bài 72, chuẩn bị thi cuối HKI.  + Về chuyên cần: nhắc nhở HS còn đi học trễ.  + Về nề nếp, trật tự: nhắc HS không xả rác, không vẽ bậy lên tường.  - GV rút ra những điểm đã làm được và những điểm chưa làm được trong tuần qua. Tuyên dương những HS thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, nhắc nhở những HS chưa thực hiện tốt.  - Triển khai chủ điểm của tháng: « Uống nước nhớ nguồn », đây là tháng nói về truyền thống của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.  - Yêu cầu HS trưng bày những tranh ảnh sưu tầm về anh bộ đội cụ Hồ cho cả lớp xem.  -Tuyên dương những HS sưu tầm được nhiều tranh ảnh.  - Hỏi HS: Em biết gì về bộ đội, chiến sĩ công an?  - Thông qua câu trả lời của HS. Gv giáo dục tư tưởng tự hào, tôn trọng truyền thống của dân tộc.  - Cho HS nghe bài hát về chú bộ đội. | - HS lắng nghe  - Những em bị nhắc nhở đứng lên trước lớp và hứa lần sau không tái phạm.  - Lắng nghe  - Cả lớp vỗ tay khen các bạn thực hiện tốt.  - Lắng nghe và ghi nhớ.  - Trưng bày tranh ảnh.  - Trả lời theo hiểu biết.  - Lắng nghe. |